TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 2 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I

MÔN TOÁN – KHỐI 2

PHIẾU SỐ 28

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số thích hợp điền vào chỗ chấm trong dãy: 20, 27, 34, ……, 48, 55

A. 42 **B.** 40 **C.** 48 **D.** 41

Câu 2. Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất có hai chữ số khác nhau lập từ ba chữ số 5, 2, 3 là:

A. 76 **B.** 30 **C.** 35 **D.** 22

Câu 3. Bao gạo nặng 27 kg, bao ngô nhẹ hơn bao gạo 8 kg. Bao ngô nặng:

A. 35 kg **B.** 19 kg **C.** 29 kg **D.** 18 kg

Câu 4. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 60 − 26 + 9 …… 37 − 8 + 10

A. > **B.** < **C.** =

Câu 5. Đồng hồ bên chỉ mấy giờ?



A. 9 giờ 30 phút **B.** 11 giờ 30 phút

C. 10 giờ 15 phút **D.** 10 giờ 30 phút

Câu 6. Độ dài đường gấp khúc ABCDE là:

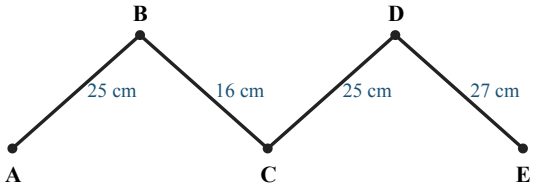

A. 93 cm **B.** 83 cm **C.** 66 cm **D.** 103 cm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Viết tiếp hai số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 92, 85, 78, 71, ……, ……

b) 4, 9, 14, 19, ……, ……

Bài 2. Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) 83 − ……. = 46

b) ……. + 26 = 70

c) 57 + ……. = 84

d) 25 + ……. = 43 − 9

Bài 3. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 70 − 15 − 9 ……. 15 + 26 + 9

b) 71 − 12 + 8 ……. 47 + 33 − 15

c) 76 + 14 + 9 ……. 98

d) 8 dm ……. 80 cm

Bài 4. Quan sát hai đồng hồ rồi viết vào chỗ chấm:





a) Đồng hồ thứ nhất chỉ ……. giờ ……. phút

b) Đồng hồ thứ hai chỉ ……. giờ ……. phút

Bài 5. Đếm hình:

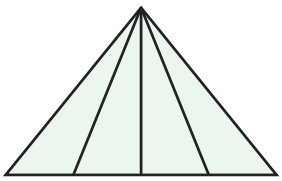

a) Hình bên có ……. hình tam giác.

Bài 6. Hà có 49 nhãn vở. Hà cho Khôi 18 nhãn vở, sau đó mẹ mua thêm cho Hà 12 nhãn vở. Hỏi lúc này Hà có bao nhiêu nhãn vở?

a) Sau khi cho Khôi, Hà còn: ……. nhãn vở

b) Lúc này Hà có: ……. nhãn vở

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 2 · Phiếu số 28

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	B	B	A	D	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) Bớt 7 mỗi lần: 64, 57

b) Thêm 5 mỗi lần: 24, 29

Bài 2.

a) $83 - 46 = 37$

b) $70 - 26 = 44$

c) $84 - 57 = 27$

d) $43 - 9 = 34$; $34 - 25 = 9$

Bài 3.

a) $46 < 50$

b) $67 > 65$

c) $99 > 98$

d) 80 cm = 80 cm

Bài 4.

a) 5 giờ 30 phút (hay 5 giờ rưỡi)

b) 4 giờ 15 phút

Bài 5.

Có 4 hình đơn, 3 hình ghép đôi, 2 hình ghép ba và 1 hình lớn: 10 hình.

Bài 6.

Sau khi cho: $49 - 18 = 31$ (nhãn vở)

Lúc này: $31 + 12 = 43$ (nhãn vở)